

Số: 205/QĐ-VKS

Yên Bái, ngày 06 tháng 02 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

V/việc công bố công khai giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

**VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 174/QĐ-VKS ngày 30/12/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Quyết định số 185/QĐ-VKS ngày 23/01/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng tổng hợp, Kế toán trưởng và các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục 3 VKSTC (báo cáo)
- Trang TTĐT tỉnh (đăng tin)
- Lưu VT, KT

**KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



**Lê Xuân Hùng**

ĐƠN VỊ: VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI  
CHƯƠNG: 004

PHỤ LỤC: 01



### CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 205/QĐ-VKS ngày 06 tháng 02 năm 2025 của  
Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Số chưa phân bổ
	<b>TỔNG KINH PHÍ ĐƯỢC CẤP</b>	<b>17.561.000.000</b>	<b>17.561.000.000</b>	
<b>I</b>	<b>Quản lý hành chính (Loại 340-341)</b>	<b>17.341.300.000</b>	<b>17.341.300.000</b>	
1.1	<i>Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	<i>11.766.600.000</i>	<i>11.766.600.000</i>	
1.2	<i>Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	<i>5.574.700.000</i>	<i>5.574.700.000</i>	
<b>II</b>	<b>Sự nghiệp giáo dục đào tạo (Loại 070-085)</b>	<b>219.700.000</b>	<b>219.700.000</b>	
1.2	<i>Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	<i>219.700.000</i>	<i>219.700.000</i>	



**CÔNG KHAI PHÂN BỐ SUNG DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 205 /QĐ-VKS ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên đơn vị	Mã số DVQHNS	Mã số KBNN	Tổng số	Quản lý hành chính (L340-341)			Kinh phí không tự chủ - Đào tạo bồi dưỡng cán bộ (070-085)
					Tổng số	Tự chủ	Không tự chủ	
1	Văn phòng VKS tỉnh	1009290	2561	9.579.400.000	9.359.700.000	4.450.500.000	4.909.200.000	219.700.000
2	VKS thành phố Yên Bái	1009515	2561	1.144.000.000	1.144.000.000	1.055.500.000	88.500.000	
3	VKS huyện Mù Cang Chải	1001855	2562	856.700.000	856.700.000	727.200.000	129.500.000	
4	VKS huyện Trấn Yên	1001856	2563	838.100.000	838.100.000	774.600.000	63.500.000	
5	VKS huyện Yên Bình	1002483	2564	916.000.000	916.000.000	847.500.000	68.500.000	
6	VKS huyện Lục Yên	1009510	2565	862.100.000	862.100.000	798.600.000	63.500.000	
7	VKS huyện Văn Chấn	1002484	2566	881.400.000	881.400.000	812.900.000	68.500.000	
8	VKS huyện Trạm Tấu	1002485	2567	718.700.000	718.700.000	667.200.000	51.500.000	
9	VKS huyện Văn Yên	1009511	2568	893.900.000	893.900.000	825.400.000	68.500.000	
10	VKS thị xã Nghĩa Lộ	1009509	2569	870.700.000	870.700.000	807.200.000	63.500.000	
<b>Tổng cộng</b>				<b>17.561.000.000</b>	<b>17.341.300.000</b>	<b>11.766.600.000</b>	<b>5.574.700.000</b>	<b>219.700.000</b>